

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt học sinh các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và trung học phổ thông được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ năm học 2024 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định danh mục địa bàn (thôn, bản) và khoảng cách học sinh không thể đi đến trường và trở về trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 4516/TTr-SGDĐT 12/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt học sinh các trường trung học phổ thông (THPT), trung học cơ sở và trung học phổ thông (THCS&THPT) được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ năm học 2024 - 2025, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Học sinh đang học tại các trường THPT, THCS&THPT công lập trên địa bàn tỉnh và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh.

b) Hỗ trợ tiền nhà ở: Đối với học sinh phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở bán trú trong trường, mỗi tháng được hỗ trợ bằng 10% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh.

3. Số lượng học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ

a) Đối với học sinh THPT có khoảng cách từ nhà đến trường từ 10 km và học sinh THCS có khoảng cách từ nhà đến trường từ 7 km trở lên:

- Tổng số trường THCS&THPT, THPT có học sinh được hưởng: 27 trường;
- Tổng số học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ: 2.969 học sinh, trong đó:
- + Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở: 2.728 học sinh;
- + Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn: 241 học sinh.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

b) Đối với học sinh THPT có khoảng cách từ nhà đến trường dưới 10 km và học sinh THCS có khoảng cách từ nhà đến trường dưới 7 km (có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: qua sông, qua suối không có cầu; qua đèo, núi cao và vùng sạt lở đất, đá).

- Tổng số trường THCS&THPT, THPT được hưởng: 08 trường;
- Tổng số học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ: 318 học sinh, trong đó:
- + Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở: 309 học sinh;
- + Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn: 09 học sinh.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ số lượng học sinh được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, thông báo cụ thể danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ đến các nhà trường để tổ chức, triển khai thực hiện (*danh sách học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ thực hiện theo Tờ trình số 4156/TTr-SGDĐT ngày 12/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo*); hướng dẫn các nhà trường thực hiện thông báo công khai và chi trả chế độ hỗ trợ cho học sinh theo đúng quy định. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, tính pháp lý đối với các nội dung do đơn vị trình.

2. Giao Sở Tài chính căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật, số học sinh được phê duyệt tại Quyết định này bố trí dự toán kinh phí thực hiện và quyết toán theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Hiệu trưởng các trường THPT, THCS&THPT có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- PCVP UBND tỉnh Hoàng Văn Thi;
- Lưu: VT, VX (hongtt).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục 1:
SỐ HỌC SINH CÁC TRƯỜNG THPT, THCS&THPT ĐƯỢC HƯỞNG
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP
NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HỌC 2024 - 2025
(Đối với học sinh THPT có khoảng cách từ nhà đến trường từ 10 km và học sinh
THCS có khoảng cách từ nhà đến trường từ 7 km trở lên)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng số học sinh	Trong đó		Ghi chú
			Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở	Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn	
1	Trường THPT Mường Lát	826	628	198	
2	Trường THPT Quan Sơn	38	38		
3	Trường THCS&THPT Quan Sơn	159	159		
4	Trường THPT Quan Hóa	189	189		
5	Trường THCS&THPT Quan Hóa	162	162		
6	Trường THPT Bá Thước	140	140		
7	Trường THPT Hà Văn Mao	142	142		
8	Trường THCS&THPT Bá Thước	155	155		
9	Trường THPT Lang Chánh	187	144	43	
10	Trường THPT Ngọc Lặc	19	19		
11	Trường THPT Lê Lai	25	25		
12	Trường THPT Bắc Sơn	2	2		
13	Trường THPT Cẩm Bá Thước	21	21		
14	Trường THPT Thường Xuân 2	136	136		
15	Trường THPT Thường Xuân 3	75	75		
16	THPT Thạch Thành 1	3	3		
17	THPT Thạch Thành 2	10	10		
18	THPT Thạch Thành 3	93	93		
19	THPT Thạch Thành 4	116	116		
20	Trường THPT Như Xuân	9	9		
21	Trường THPT Như Xuân 2	9	9		
22	Trường THCS&THPT Như Xuân	251	251		
23	Trường THPT Như Thanh	83	83		
24	Trường THPT Như Thanh 2	92	92		
25	Trường THCS&THPT Như Thanh	20	20		
26	Trường THPT Tĩnh Gia 3	4	4		
27	Trường THPT Tĩnh Gia 4	3	3		
	Tổng cộng:	2.969	2.728	241	

Phụ lục 2:
SỐ HỌC SINH CÁC TRƯỜNG THPT, THCS&THPT ĐƯỢC HƯỞNG
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP
NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HỌC 2024 - 2025

(Đối với học sinh THPT có khoảng cách từ nhà đến trường dưới 10 km và học sinh THCS có khoảng cách từ nhà đến trường dưới 7 km (có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: qua sông, qua suối không có cầu; qua đèo, núi cao và vùng sạt lở đất, đá)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng số học sinh	Trong đó		Ghi chú
			Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở	Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn	
1	Trường THPT Mường Lát	61	52	9	
2	Trường THPT Quan Sơn	20	20		
3	Trường THCS&THPT Quan Sơn	32	32		
4	Trường THCS&THPT Quan Hóa	16	16		
5	Trường THPT Hà Văn Mao	13	13		
6	Trường THPT Cẩm Bá Thước	1	1		
7	Trường THPT Thường Xuân 2	55	55		
8	Trường THPT Như Thanh 2	120	120		
	Tổng cộng:	318	309	9	